

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Chăn nuôi gà giống tại Phú Thọ
- Địa chỉ: Thôn Đồng Gạo, xã Minh Đài, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 02103540034
- Đại diện: Ông Hoàng Phan Tấn. Chức danh: Chủ tịch HĐQT
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi gà giống.
- Quy mô: cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); nhóm III phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Công suất sản xuất: 64.000 con/năm
- Tần suất hoạt động: Hoạt động thường xuyên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 2500175548 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cũ (Nay là sở Tài chính tỉnh Phú Thọ) cấp đăng ký lần đầu ngày 29/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 12/8/2025.
- + Mã số thuế: 2500175548-006.
- Giấy phép môi trường số: 8/GPMT-UBND ngày 24/01/2025, cơ quan cấp: UBND tỉnh Phú Thọ
- Khối lượng sản phẩm của năm 2024 và 2025 là:

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	
		Năm 2024	Năm 2025
Gà giống	Con	63.000	62.500



- Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, điện, nước tiêu thụ của năm 2024 và 2025:

STT	Nội dung báo cáo	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
I. Nguyên liệu				
1	Trấu	tấn/năm	193.328	199.882
2	Vôi bột	Kg/tháng	468	511
3	Cám	Kg/tháng	74.474	216.436
II. Nhiên liệu				
1	Gas (<i>suối ấm cho gà</i>)	kg/năm	1.107	750
III. Điện		Kw	396.077	692.622
IV. Nước		m ³	13140	13.870

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 4 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 36m³)

+ 1 bể lắng 2 ngăn (thể tích 3m³).

+ 1 hồ thu nước thải từ quá trình xử lý khí, mùi nhà gà khu D (thể tích 6 m³)

+ 1 bể hấp thụ bằng than hoạt tính (thể tích 13,5m³).

- Lưu lượng nước thải trung bình phát sinh và xả thải:

+ Cơ sở không thực hiện xử lý, phân luồng xả thải riêng đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh, số liệu tổng hợp phát sinh và xả thải như sau:

STT	Nội dung báo cáo	Đơn vị đo	Năm 2024	Năm 2025
1	Lưu lượng nước thải trung bình xả thải theo ngày	m ³	9,2	9,6
2	Tổng lượng nước thải xả thải trong năm	m ³	3358	3468

- Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp: Cơ sở nằm ngoài KCN.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Trong năm 2025, Cơ sở đã tiến hành quan trắc 01 đợt vào ngày 17/3/2025.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu nước thải sau xử lý (tại hồ sinh học).

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ nay là Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ. Đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số hiệu Vimcerts 125.

- Đánh giá kết quả quan trắc theo GPMT được cấp: Cơ sở đã được UBND tỉnh Phú Thọ cấp Giấy phép môi trường số 8/GPMT-UBND ngày 24/01/2025. Trong GPMT được cấp không yêu cầu Công ty phải quan trắc định kỳ. Kết quả quan trắc vào Quý 1 năm 2025 cho thấy cả chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải sau xử lý đều đạt QCVN 62 – MT:2016/BTNMT, Cột B (có phiếu kết quả quan trắc đính kèm báo cáo).

1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

- Cơ sở không có công trình xử lý khí thải.

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8	Tổ quản lý vệ sinh của địa phương	8
	Tổng cộng	8		8

b. Thống kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Cơ sở không sử dụng trực tiếp CTCRCNTT làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở). Các loại CTCRCNTT được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác và chất thải phải xử lý cụ thể như sau:

TT	Nhóm CTCRCNTT	Khối lượng năm 2025 (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT	Khối lượng năm 2024 (tấn)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất	0		0
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT)	0		0
3	Chất thải phải xử lý	18,2	Chuyển giao cho các đơn vị thu gom xử lý	16

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Công ty không xuất khẩu CTNH, không tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở. Các loại CTNH bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên tại cơ sở như sau:

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)/ năm	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2024 (kg)
Chất thải lây nhiễm (bao gồm có chất thải sắc nhọn)	13 02 02	6	Thiêu đốt	Công ty TNHH môi trường Sông Công	9
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	51	Hủy bóng đèn		12
Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	33	Thiêu đốt		35
Bao bì mềm thải	18 01 01	245	Thiêu đốt		14
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	40	Tẩy rửa		18

Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	41	Tẩy rửa		86
Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (<i>thủy tinh, composite, cao su, ...</i>)	18 01 04	420	Tẩy rửa		80
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	42	Thiêu đốt		36
Tổng		878			290

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới: Duy trì các hoạt động quản lý chất thải như hiện tại, cụ thể: thu gom, phân loại CTNH tại nguồn phát sinh; lưu giữ các loại CTNH tạm thời tại khu vực riêng, đảm bảo các loại CTNH không để lẫn nhau cũng như không để CTNH lẫn với chất thải thông thường; chuyển giao cho đơn vị chức năng theo đúng quy định....

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường tại Công ty. Cụ thể các bước như sau:

1) Đánh giá nguồn tiềm ẩn, nguy cơ xảy ra sự cố:

- Từ hệ thống xử lý nước thải
- Từ hệ thống khí thải
- Từ kho chứa chất thải nguy hại

2) Các hoạt động phòng ngừa và ứng phó sự cố khẩn cấp

3) Quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp

4) Khắc phục sự cố môi trường

5) Xác định nguyên nhân, quan trắc, đánh giá sự cố môi trường

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

a. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

Xây dựng quy trình chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó trong tình trạng khẩn cấp.

- Lập kế hoạch bảo trì, kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị.

- Lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường phù hợp: hệ thống chữa cháy bằng foam và đầu báo khói.

- Kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị trước khi hết hạn.

- Đo kiểm yếu tố môi trường lao động theo quy định, đo kiểm môi trường định kỳ.

- Giao nhận các loại rác thải đúng quy định.

- Xây dựng bảng ghi chép kết quả kiểm tra hằng ngày.

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn vệ sinh lao động năm

- Xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm về an toàn lao động cho người lao động, huấn luyện đội chữa cháy thực hành chữa cháy, thực hành ứng phó tràn đổ hóa chất.

- Định kỳ 2 lần/ tháng tổ chức ngày làm đẹp môi trường thu gom và tuyên truyền phân loại rác thải.

b. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở: Trong năm 2025, Cơ sở không xảy ra sự cố môi trường.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Cơ sở không sản xuất, sử dụng hay nhập khẩu, mua bán các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có): Công ty không có yêu cầu khắc phục.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VP.

**CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED
VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ THỌ**



GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH VÀ NHÂN SỰ
Phạm Văn Tuấn



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 278/2025/36.01



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
Địa chỉ: Thôn Đồng Gạo, xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc: Khu vực hệ thống xử lý nước thải
Tên mẫu: Nước thải Số mẫu: 01
Kí hiệu mẫu: T1
Ngày quan trắc: 17/3/2025 Ngày phân tích: 17/3 ÷ 03/4/2025
Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	T1	QCVN 62-MT:2016	QCVN 40: 2011/BTNMT	PP Phân tích
1	pH*	-	6,7	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9	TCVN 6492: 2011
2	DO	mg/L	5	-	-	TCVN 7325: 2016
3	TDS	mg/L	169	-	-	SOP.QT.N.01
4	BOD ₅ *	mg/L	25,4	100	50	TCVN 6001-1: 2021
5	COD*	mg/L	55,2	300	150	SOP.PT.N.04 (SMEWW 5220C: 2023)
6	TSS*	mg/L	35	150	100	TCVN 6625: 2000
7	Tổng P	mg/L	0,281	-	6	SMEWW 4500-P,B&E: 2017
8	Fe*	mg/L	0,262	-	5	TCVN 6177: 1996
9	Mn*	mg/L	< 0,09	-	1	SMEWW 3111.B: 2023
10	Pb	mg/L	< 0,009	-	0,5	SMEWW 3113B: 2017
11	Cd	mg/L	KPH	-	0,1	SMEWW 3113B: 2017
12	As	mg/L	KPH	-	0,1	SMEWW 3114B: 2017
13	Tổng N	mg/L	< 9	150	40	TCVN 6638: 2000
14	Coliform	MPN/100ml	2400	5000	5000	SMEWW 9221B: 2017

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)
- QCVN 62-MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B)
- Ký hiệu: T1 - Mẫu nước thải tại hồ sinh học

PHÒNG QT& CNMT

Tạ Hồng Yên

Tạ Hồng Yên

Phú Thọ, ngày 03 tháng 4 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Đặng Đàm Liên

(-): Không có quy định; KPH: Không phát hiện
- Các thông số đánh dấu (*) được công nhận Vilas; (*) là thông số phụ
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích;
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QT & BVMT